FireAnt

Ngân hàng TMCP Quân Đội (HSX: MBB)

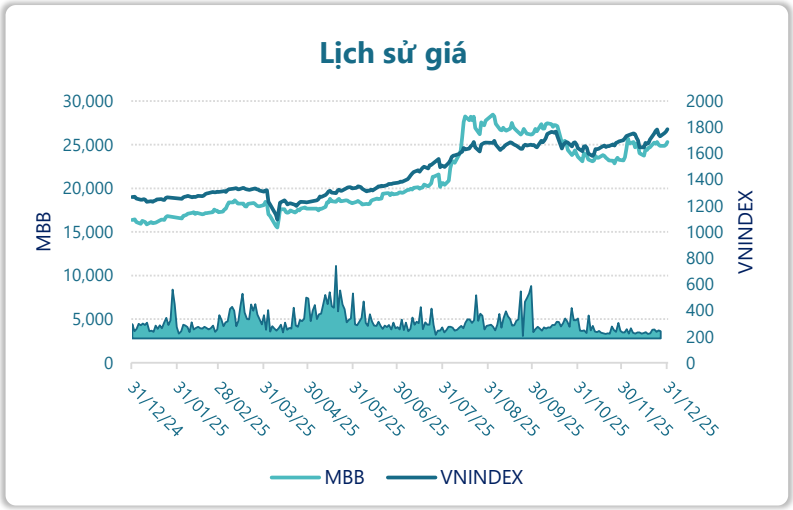

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,499
SL cổ phiếu LH	8,054,999,909
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,044,892
% sở hữu nước ngoài	22.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	203,791
P/E	7.6
EPS	3,325

DT thuần

Q4/25

-11,577

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2,302| -24.8%

YoY: ▼4,267| -58.4%

LN sau thuế

Q4/25

-7.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.8| -331%

YoY: ▼11.4| -295%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

34.9%

+/- YoY: ▲ 6.9%

DT thuần

2025

-37,478

tỷ VNĐ

YoY: ▼9,568| -34.3%

LN sau thuế

2025

-8.51

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.7| -183%

ROE

2025

#VALUE!

#VALUE!

Kết quả kinh doanh

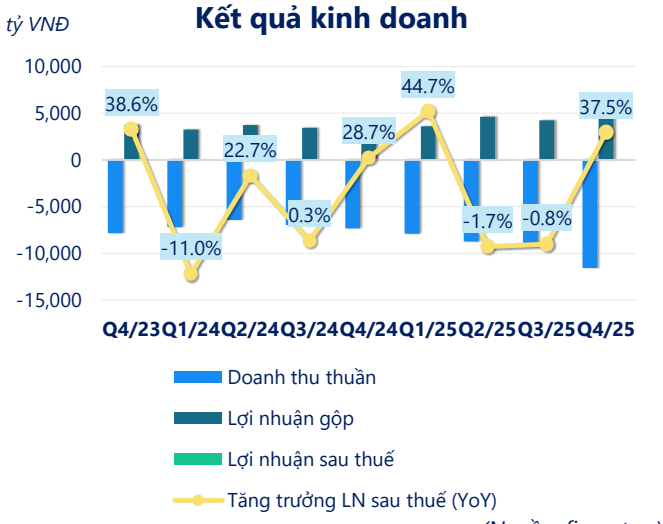

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

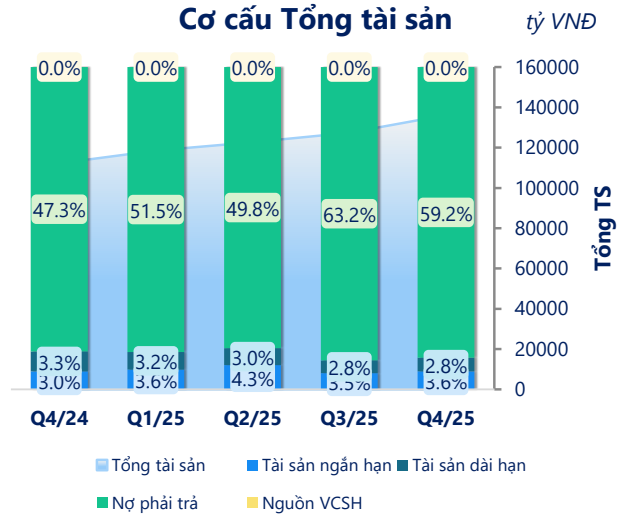

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

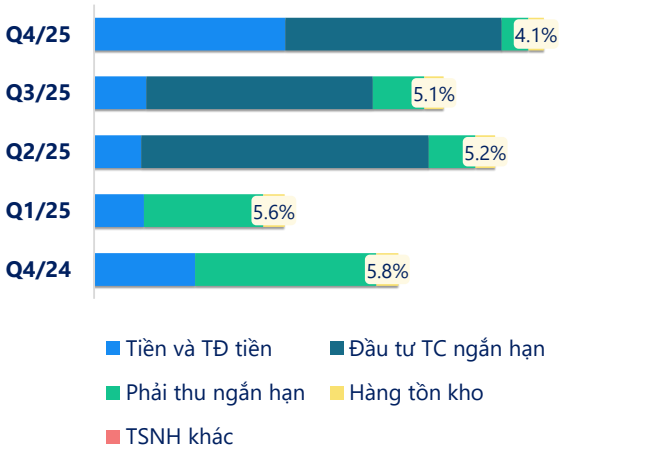

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

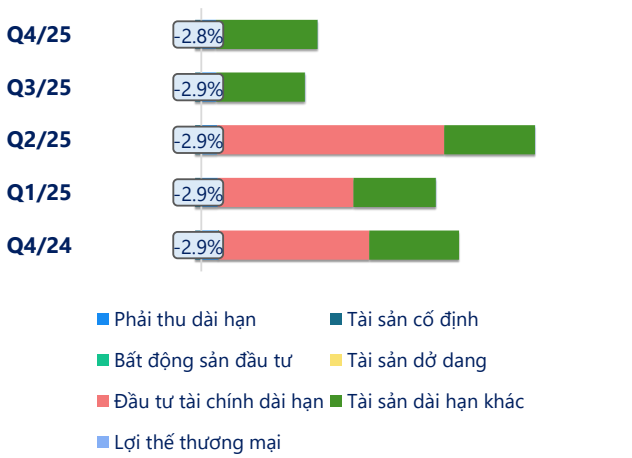

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

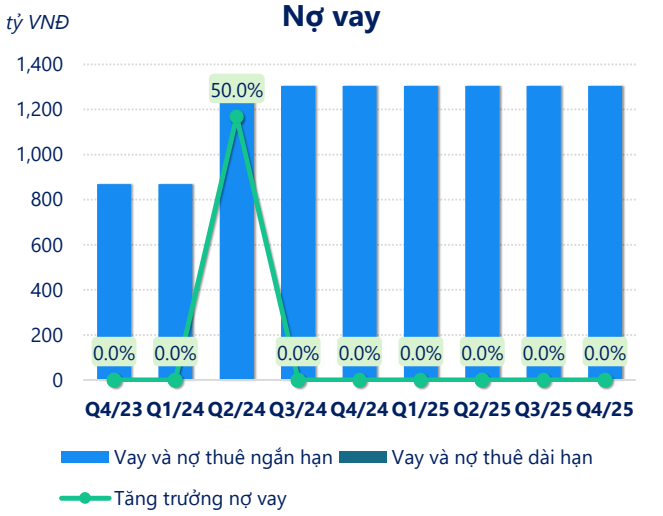

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

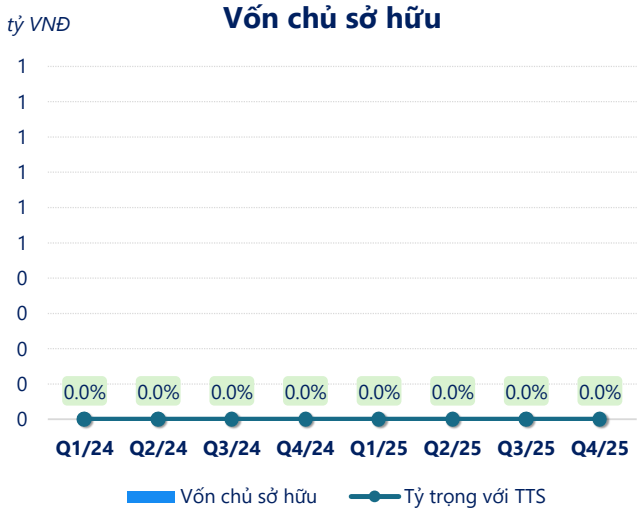

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

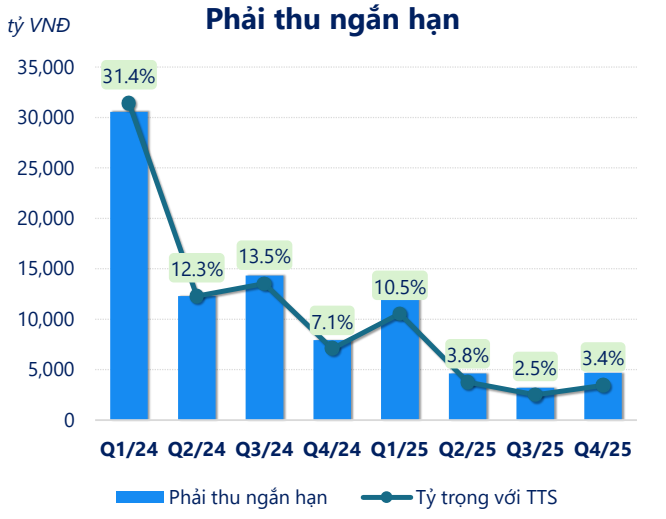

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

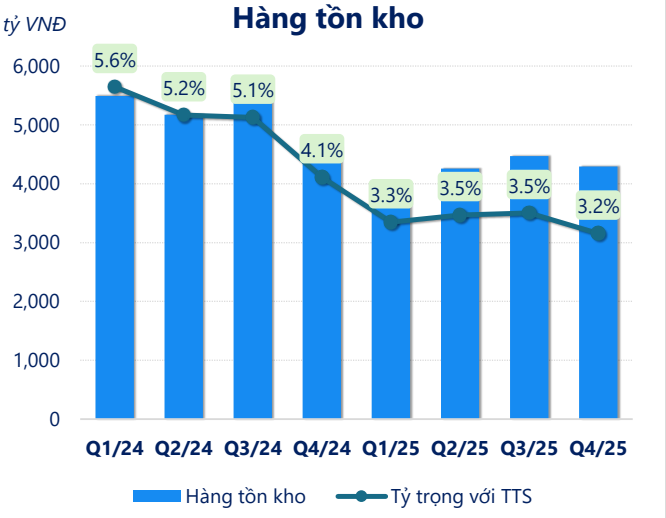

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

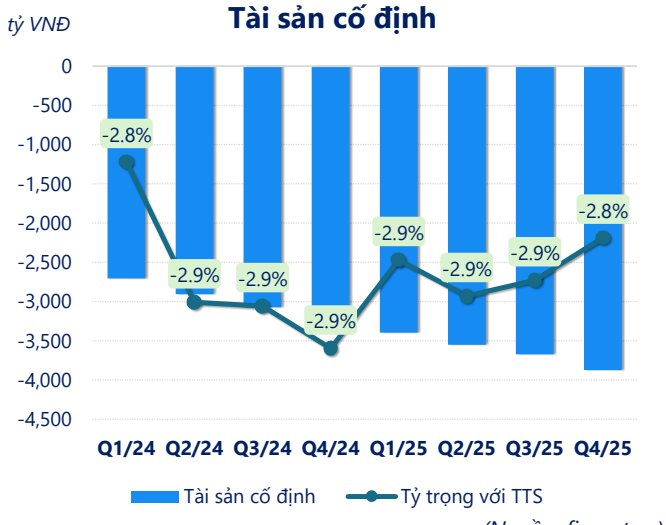

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

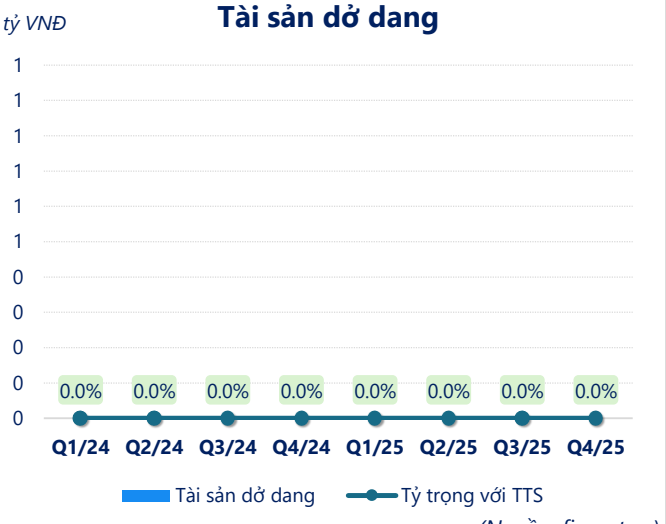

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

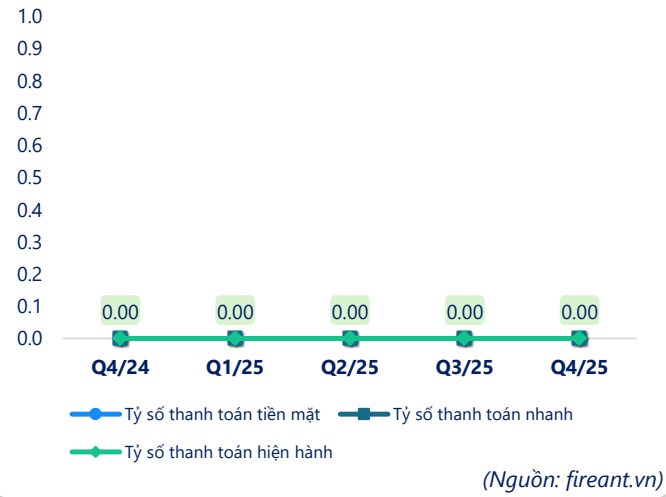

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

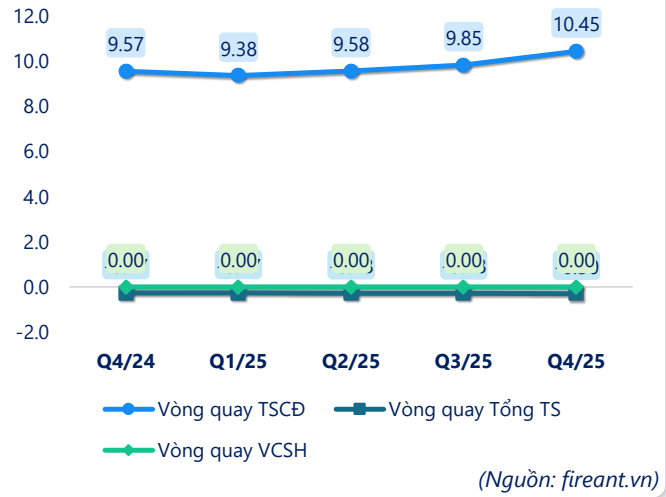

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**112,149**	**118,583**	**122,643**	**127,448**	**136,136**
Tài sản ngắn hạn	**3,349**	**4,224**	**5,263**	**4,421**	**4,966**
Tiền và tương đương tiền	29,825	15,522	15,252	17,508	68,494
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63,888	53,259	96,081	0	0
Phải thu ngắn hạn	7,932	12,509	4,618	3,196	4,693
Hàng tồn kho	4,613	3,970	4,256	4,467	4,295
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**3,751**	**3,772**	**3,713**	**3,536**	**3,806**
Phải thu dài hạn	9,015	9,161	9,175	9,028	9,423
Tài sản cố định	-3,297	-3,397	-3,551	-3,673	-3,874
Bất động sản đầu tư	9.52	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	79,516	75,656	130,931	0	0
Tài sản dài hạn khác	47,312	45,982	52,331	53,071	65,034
Lợi thế thương mại	0	1.16	0.99	1.62	2.19
Nợ phải trả	**53,063**	**61,023**	**61,023**	**80,550**	**80,550**
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,304	1,304	1,304	1,304	1,304
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)